



# CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 19

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

19-3-2024	Quyết định số 518/QĐ-UBND phê duyệt 01 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	3
19-3-2024	Quyết định số 519/QĐ-UBND phê duyệt 06 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	10
19-3-2024	Quyết định số 522/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	30
20-3-2024	Quyết định số 538/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Bình	33
20-3-2024	Quyết định số 540 /QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên	45

21-3-2024	Quyết định số 551/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý công sản, thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên	48
21-3-2024	Quyết định số 552/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên	57
21-3-2024	Quyết định số 553/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Công chức - Viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên	62

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 518/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 3 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt 01 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính  
lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng  
quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền  
địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về  
thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;  
Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của  
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết  
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng,  
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của  
Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế  
một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của Chủ tịch UBND  
tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động  
khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và  
Công nghệ tỉnh Thái Nguyên;*

*Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 09/TTr-KHCN  
ngày 13/3/2024.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt 01 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính  
lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học  
và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng  
quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại Hệ thống thông tin giải quyết  
thủ tục hành chính tỉnh Thái Nguyên theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**  
**QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
*(Kèm theo Quyết định số 518/QĐ-UBND*  
*ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính
1	Xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên

**PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**1. Thủ tục Xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định: tiếp nhận, cập nhật thông tin, lưu trữ hồ sơ vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin một cửa điện tử Sở Khoa học và Công nghệ; Chuyển hồ sơ cho phòng Quản lý Công nghệ xử lý. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định thì từ chối tiếp nhận, nêu rõ lý do, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.	0,25
Bước 2	Nhận hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,25
Bước 3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; - <b>Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp Bước 5</b>	Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,5
	- <b>Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ:</b> Dự thảo văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, trong đó nêu rõ nội dung, thời hạn sửa đổi, bổ sung, báo cáo Lãnh đạo Phòng: <b>thực hiện tiếp Bước 4</b>		
Bước 4			

4.1	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,25
4.2	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25
4.3	Chuyển văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ cho Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,25
4.4	Gửi văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ cho cá nhân, tổ chức	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,25
<b><i>Sau khi tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hợp lệ theo yêu cầu, thực hiện lại quy trình từ Bước 1 (tổ chức, cá nhân bổ sung trong thời hạn sửa đổi, bổ sung)</i></b>			
<b>A</b>	<b>Đối với dự án đầu tư không phải quy mô lớn, công nghệ phức tạp</b>		
Bước 5	Dự thảo văn bản lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan liên quan, trình lãnh đạo Phòng	Công chức được giao xử lý hồ sơ	1
Bước 6	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt văn bản lấy ý kiến	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5
Bước 7	Lãnh đạo Sở phê duyệt văn bản lấy ý kiến	Lãnh đạo Sở	0,5
Bước 8	Tổng hợp các ý kiến của các cơ quan liên quan	Công chức được giao xử lý hồ sơ	15

<b>B</b>	<b>Đối với dự án đầu tư quy mô lớn, công nghệ phức tạp</b>		
Bước 5	Thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ	Công chức được giao xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	10
Bước 6	Lãnh đạo Sở phê duyệt Quyết định	Lãnh đạo Sở	1
Bước 7	Tổ chức khảo sát thực tế xác định công nghệ của dự án đầu tư	- Công chức được giao xử lý hồ sơ - Hội đồng tư vấn Khoa học và Công nghệ	10
Bước 8	Tổ chức họp Hội đồng	- Công chức được giao xử lý hồ sơ - Hội đồng tư vấn Khoa học và Công nghệ	16
	<b>Xử lý kết quả TTHC</b>		
Bước 9	Kể từ khi nhận được đủ ý kiến của cơ quan phối hợp, Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, tổ chức, chuyên gia độc lập (Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả thực hiện thủ tục TTHC, trình lãnh đạo Phòng)	Công chức được giao xử lý hồ sơ	3
Bước 10	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	1
Bước 9	Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở	0,5

Bước 10	Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho công chức của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,25
Bước 11	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức/cá nhân theo quy định	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,25
<p><b>Tổng thời gian giải quyết TTHC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 23 ngày làm việc (<i>Kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định. Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, thời hạn giải quyết có thể kéo dài thêm 20 ngày.</i>)</li> <li>- 43 ngày làm việc (<i>Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp.</i>)</li> </ul>			

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 519/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 3 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt 06 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 10/TTr-KHCN ngày 13/3/2024.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt 06 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thái Nguyên theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt 06 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC****QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ  
VÀ HẠT NHÂN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Kèm theo Quyết định số: 519 /QĐ-UBND*

*ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**Phần A: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
1	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
2	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
3	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
4	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
5	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
6	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)

**Phần B: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN**

**1. Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)
<b><i>Ghi chú: Thời gian từ Bước 1 đến hết Bước 4 không tính trong tổng thời gian giải quyết TTHC</i></b>			
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; - Nếu hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận; cập nhật thông tin hồ sơ vào phần mềm một cửa điện tử và lưu trữ hồ sơ điện tử; Chuyển hồ sơ cho phòng Quản lý Công nghệ xử lý. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng theo quy định thì từ chối tiếp nhận, nêu rõ lý do, hướng dẫn, bổ sung, hoàn thiện theo quy định.	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5
Bước 3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: dự thảo văn bản thông báo mức phí, báo cáo Lãnh đạo Phòng: thực hiện tiếp Bước 4. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Dự thảo văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, báo cáo Lãnh đạo Phòng: thực hiện tiếp Bước 4.	Công chức được giao xử lý hồ sơ	2
Bước 4			

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)</b>
4.1	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5
4.2	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5
4.3	Chuyển văn bản thông báo cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,5
4.4	Gửi thông báo cho cá nhân, tổ chức	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ đã sửa đổi, bổ sung và phí, lệ phí theo văn bản thông báo, quy trình giải quyết tiếp tục như sau: <b>(Lưu ý: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính được tính từ thời điểm này)</b>			
Bước 5	Tiếp nhận hồ sơ đã được sửa đổi, bổ sung (nếu có)/ Thu phí; Chuyển cho phòng Quản lý Công nghệ xử lý	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
Bước 6	Duyệt, chuyển cho công chức xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5
Bước 7	Tổ chức thẩm định thực tế tại đơn vị đề nghị cấp giấy phép (nếu cần thiết)	- Công chức được giao xử lý hồ sơ; - Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	12

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)
Bước 8	Dự thảo kết quả thực hiện TTHC, trình Lãnh đạo phòng	Công chức được giao xử lý hồ sơ	6
Bước 9	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	2
Bước 10	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở	2
Bước 11	Chuyển kết quả giải quyết TTHC đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Thái Nguyên để trả cho tổ chức/cá nhân	Công chức được giao xử lý hồ sơ	1
Bước 12	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức/cá nhân	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Thái Nguyên	1

**Thời gian giải quyết TTHC:**

- **05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính trong tổng thời gian giải quyết TTHC):** Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản mức phí đối với hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo bằng văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ.

- **25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí:** Tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ hoặc trả lời bằng văn bản không đồng ý và nêu rõ lý do.

## 2. Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)
<b>Ghi chú: Thời gian từ Bước 1 đến hết Bước 4 không tính trong tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			
Bước 1	<p>Tiếp nhận hồ sơ, xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận; cập nhật thông tin hồ sơ vào phần mềm một cửa điện tử và lưu trữ hồ sơ điện tử; Chuyển hồ sơ cho phòng Quản lý Công nghệ xử lý.</li> <li>- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng theo quy định thì từ chối tiếp nhận, nêu rõ lý do, hướng dẫn, bổ sung, hoàn thiện theo quy định.</li> </ul>	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5
Bước 3	<p>Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: dự thảo văn bản thông báo mức phí, báo cáo Lãnh đạo Phòng: thực hiện tiếp Bước 4</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Dự thảo văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, báo cáo Lãnh đạo Phòng; thực hiện tiếp Bước 4.</li> </ul>	Công chức được giao xử lý hồ sơ	2
Bước 4			
4.1	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)</b>
4.2	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5
4.3	Chuyển văn bản thông báo cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,5
4.4	Gửi thông báo cho cá nhân, tổ chức	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ đã sửa đổi, bổ sung và phí, lệ phí theo văn bản thông báo, quy trình giải quyết tiếp tục như sau: <i>(Lưu ý: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính được tính từ thời điểm này)</i>			
Bước 5	Tiếp nhận hồ sơ đã được sửa đổi, bổ sung (nếu có)/ Thu phí; Chuyển cho phòng Quản lý Công nghệ xử lý	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
Bước 6	Duyệt, chuyển cho công chức xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5
Bước 7	Tổ chức thẩm định thực tế tại đơn vị đề nghị cấp giấy phép (nếu cần thiết)	- Công chức được giao xử lý hồ sơ; - Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	12
Bước 8	Dự thảo kết quả thực hiện TTHC, trình Lãnh đạo phòng	Công chức được giao xử lý hồ sơ	6

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)
Bước 9	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	2
Bước 10	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở	2
Bước 11	Chuyển kết quả giải quyết TTHC đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên để trả cho tổ chức/cá nhân	Công chức được giao xử lý hồ sơ	1
Bước 12	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức/cá nhân	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	1

**Thời gian giải quyết TTHC:**

- **05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính trong tổng thời gian giải quyết TTHC):** Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản mức phí đối với hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo bằng văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ.

- **25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí:** Tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ hoặc trả lời bằng văn bản không đồng ý và nêu rõ lý do.

### 3. Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)
Bước 1	<p>Tiếp nhận hồ sơ, xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ;</p> <p>- Nếu hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận; cập nhật thông tin hồ sơ vào phần mềm một cửa điện tử và lưu trữ hồ sơ điện tử; Chuyển hồ sơ cho phòng Quản lý Công nghệ xử lý.</p> <p>- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng theo quy định thì từ chối tiếp nhận, nêu rõ lý do, hướng dẫn, bổ sung, hoàn thiện theo quy định.</p>	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5
Bước 3	<p>Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ;</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ báo cáo Lãnh đạo Phòng: thực hiện tiếp Bước 5.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Dự thảo văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, báo cáo Lãnh đạo Phòng: thực hiện tiếp Bước 4.</p>	Công chức được giao xử lý hồ sơ	2
Bước 4	<b>Ghi chú: Thời gian tại Bước 4 không tính trong tổng thời gian giải quyết TTHC</b>		
4.1	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng Quản	0,5

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian giải quyết (ngày làm việc)</b>
		lý Công nghệ	
4.2	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5
4.3	Chuyển văn bản thông báo cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,5
4.4	Gửi thông báo cho cá nhân, tổ chức	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
<b><i>Sau khi tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hợp lệ theo yêu cầu, thực hiện lại quy trình từ Bước 1</i></b>			
Bước 5	Tổ chức thẩm định thực tế tại đơn vị đề nghị sửa đổi giấy phép (nếu cần thiết)	- Công chức được giao xử lý hồ sơ; - Lãnh đạo Phòng Quản lý Công nghệ	3
Bước 6	Dự thảo kết quả thực hiện TTHC, trình Lãnh đạo phòng	Công chức được giao xử lý hồ sơ	2
Bước 7	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	1

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian giải quyết (ngày làm việc)</b>
Bước 8	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở	0,5
Bước 9	Chuyển kết quả giải quyết TTHC đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên để trả cho tổ chức/cá nhân	Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,25
Bước 10	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức/cá nhân	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,25
<p><b>Tổng thời gian giải quyết TTHC:</b></p> <p>- <b>05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ:</b> Thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có);</p> <p>- <b>10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</b> Tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ hoặc trả lời bằng văn bản không đồng ý và nêu rõ lý do.</p>			

**4. Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; - Nếu hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận; cập nhật thông tin hồ sơ vào phần mềm một cửa điện tử và lưu trữ hồ sơ điện tử; Chuyển hồ sơ cho phòng Quản lý Công nghệ xử lý. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng theo quy định thì từ chối tiếp nhận, nêu rõ lý do, hướng dẫn, bổ sung, hoàn thiện theo quy định.	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5
Bước 3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ hợp lệ báo cáo Lãnh đạo Phòng: thực hiện tiếp Bước 5 - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Dự thảo văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, báo cáo Lãnh đạo Phòng: thực hiện tiếp Bước 4	Công chức được giao xử lý hồ sơ	2
Bước 4	<b><i>Ghi chú: Thời gian tại Bước 4 không tính trong tổng thời gian giải quyết TTHC</i></b>		
4.1	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5
4.2	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)</b>
4.3	Chuyển văn bản thông báo cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,5
4.4	Gửi thông báo cho cá nhân, tổ chức	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
<b><i>Sau khi tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hợp lệ theo yêu cầu, thực hiện lại quy trình từ Bước 1</i></b>			
Bước 5	Tổ chức thẩm định thực tế tại đơn vị đề nghị cấp bổ sung giấy phép (nếu cần thiết)	- Công chức được giao xử lý hồ sơ; - Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	12
Bước 6	Dự thảo kết quả thực hiện TTHC, trình Lãnh đạo phòng	Công chức được giao xử lý hồ sơ	4
Bước 7	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	2
Bước 8	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở	2
Bước 9	Chuyển kết quả giải quyết TTHC đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên để trả cho tổ chức/cá nhân	Công chức được giao xử lý hồ sơ	1
Bước 10	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức/cá nhân	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ	1

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết (ngày/ngày làm việc)
		nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	
<p><b>Thời gian giải quyết TTHC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ:</b> Thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có);</li> <li>- <b>25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</b> Tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ hoặc trả lời bằng văn bản không đồng ý và nêu rõ lý do.</li> </ul>			

### 5. Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)
Bước 1	<p>Tiếp nhận hồ sơ, xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận; cập nhật thông tin hồ sơ vào phần mềm một cửa điện tử và lưu trữ hồ sơ điện tử; Chuyển hồ sơ cho phòng Quản lý Công nghệ xử lý.</li> <li>- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng theo quy định thì từ chối tiếp nhận, nêu rõ lý do, hướng dẫn, bổ sung, hoàn thiện theo quy định.</li> </ul>	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5
Bước 3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ hợp lệ báo cáo Lãnh đạo Phòng: thực hiện tiếp Bước 5. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Dự thảo văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, báo cáo Lãnh đạo Phòng; thực hiện tiếp Bước 4.	Công chức được giao xử lý hồ sơ	2
Bước 4	<b><i>Ghi chú: Thời gian tại Bước 4 không tính trong tổng thời gian giải quyết TTHC</i></b>		
4.1	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5
4.2	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5
4.3	Chuyển văn bản thông báo cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Thái Nguyên Thái Nguyên	Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,5
4.4	Gửi thông báo cho cá nhân, tổ chức	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
<b><i>Sau khi tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hợp lệ theo yêu cầu, thực hiện lại quy trình từ Bước 1</i></b>			

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)
Bước 5	Tổ chức thẩm định thực tế tại đơn vị đề nghị sửa đổi giấy phép (nếu cần thiết)	- Công chức được giao xử lý hồ sơ; - Lãnh đạo Phòng Quản lý Công nghệ	3
Bước 6	Dự thảo kết quả thực hiện TTHC, trình Lãnh đạo phòng	Công chức được giao xử lý hồ sơ	2
Bước 7	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	1
Bước 8	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở	0,5
Bước 9	Chuyển kết quả giải quyết TTHC đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Thái Nguyên để trả cho tổ chức/cá nhân	Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,25
Bước 10	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức/cá nhân	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,25
<p><b>Tổng thời gian giải quyết TTHC:</b></p> <p>- <b>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ:</b> Thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có);</p> <p>- <b>10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</b> Tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ hoặc trả lời bằng văn bản không đồng ý và nêu rõ lý do.</p>			

## 6. Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)
<b><i>Ghi chú: Thời gian từ Bước 1 đến hết Bước 4 không tính trong tổng thời gian giải quyết TTHC</i></b>			
Bước 1	<p>Tiếp nhận hồ sơ, xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận; cập nhật thông tin hồ sơ vào phần mềm một cửa điện tử và lưu trữ hồ sơ điện tử; Chuyển hồ sơ cho phòng Quản lý Công nghệ xử lý.</li> <li>- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng theo quy định thì từ chối tiếp nhận, nêu rõ lý do, hướng dẫn, bổ sung, hoàn thiện theo quy định.</li> </ul>	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5
Bước 3	<p>Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: dự thảo văn bản thông báo mức lệ phí, báo cáo Lãnh đạo Phòng: thực hiện tiếp Bước 4.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Dự thảo văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ và mức lệ phí, báo cáo Lãnh đạo Phòng: thực hiện tiếp Bước 4.</li> </ul>	Công chức được giao xử lý hồ sơ	2
Bước 4			

4.1	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5
4.2	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5
4.3	Chuyển văn bản thông báo cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,5
4.4	Gửi thông báo cho cá nhân, tổ chức	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ đã sửa đổi, bổ sung và lệ phí theo văn bản thông báo, quy trình giải quyết tiếp tục như sau: <b>(Lưu ý: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính được tính từ thời điểm này)</b>			
Bước 5	Tiếp nhận hồ sơ đã được sửa đổi, bổ sung/ Thu lệ phí; Chuyển cho phòng Quản lý Công nghệ xử lý	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
Bước 6	Duyệt, chuyển cho công chức xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	0,5
Bước 7	Dự thảo kết quả thực hiện TTHC, trình lãnh đạo Phòng	Công chức được giao xử lý hồ sơ	6
Bước 8	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghệ	1
Bước 9	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở	1
Bước 10	Chuyển kết quả giải quyết TTHC đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Thái Nguyên để trả cho tổ	Công chức được giao xử lý hồ sơ	0,5

	chức/cá nhân		
Bước 11	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức/cá nhân	Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5
<p><b>Tổng thời gian giải quyết TTHC:</b></p> <p>- <b>05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính trong tổng thời gian giải quyết TTHC):</b> Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản mức phí, lệ phí (nếu có) đối với hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo bằng văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- <b>10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí:</b> Thẩm định hồ sơ và Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ hoặc trả lời bằng văn bản không đồng ý và nêu rõ lý do.</p>			

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 522/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 3 năm 2024

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực  
Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 311/QĐ-BKHCN ngày 05/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 08/TTr-KHCN ngày 13/3/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên *(có Phụ lục chi tiết kèm theo)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2024.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG**  
**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**  
**QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH THÁI NGUYÊN**  
*(Kèm theo Quyết định số 522/QĐ-UBND*  
*ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao	24 ngày làm việc	<b>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> Ban Quản lý khu công nghệ cao	Không quy định	1. Luật Công nghệ cao năm 2008. 2. Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao.	Một cửa liên thông

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 538/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024**  
**huyện Phú Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 25/01/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Bình thời kỳ 2021-2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 106/TTr-STNMT ngày 12 tháng 3 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Bình với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

**1. Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung trong năm kế hoạch:**

Tổng diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2024 là 44,91 ha.

*(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)*

**2. Kế hoạch thu hồi các loại đất bổ sung các loại đất:**

Tổng diện tích thu hồi đất bổ sung năm 2024 là 40,89 ha.

*(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)*

**3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung:**

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2024 là 39,99 ha.

*(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)*

**4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng bổ sung:**

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2024 là 0,14 ha.

*(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)*

**5. Danh mục các công trình, dự án bổ sung:**

Tổng số công trình, dự án thực hiện bổ sung năm 2024 là 03 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 14,91 ha.

*(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)*

**6. Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Bình:**

- Điều chỉnh diện tích đối với 01 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 và Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 30/12/2023. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 và Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Nguyên nhân, lý do điều chỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua điều chỉnh diện tích tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 25/01/2024.

*(Chi tiết tại phụ lục VI kèm theo)*

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình có trách nhiệm:

1. Công bố công khai bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với

quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật;

3. Đối với các dự án có chuyên mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên, Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục I****Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2024 huyện Phú Bình***(Kèm theo Quyết định số: 538/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên)**Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
			Xã Tân Thành	Xã Tân Kim	Xã Bảo Lý	Xã Diềm Thụy	Xã Nhã Lộ	Xã Úc Kỳ
	<b>Tổng</b>	<b>44,91</b>	<b>34,02</b>	<b>1,39</b>	<b>1,60</b>	<b>3,22</b>	<b>1,50</b>	<b>3,18</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>4,02</b>	<b>4,02</b>					
1.1	Đất trồng lúa							
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác							
1.3	Đất trồng cây lâu năm							
1.4	Đất rừng phòng hộ							
1.5	Đất rừng đặc dụng							
1.6	Đất rừng sản xuất							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản							
1.8	Đất nông nghiệp khác	4,02	4,02					
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>40,89</b>	<b>30,00</b>	<b>1,39</b>	<b>1,60</b>	<b>3,22</b>	<b>1,50</b>	<b>3,18</b>
2.1	Đất ở nông thôn							
2.2	Đất ở đô thị							
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan							
2.4	Đất an ninh							
2.5	Đất quốc phòng							
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp							
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp							
2.8	Đất có mục đích công cộng	40,89	30,00	1,39	1,60	3,22	1,50	3,18

2.9	Đất cơ sở tôn giáo							
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng							
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng							
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối							
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng							
2.14	Đất phi nông nghiệp khác							

**Phụ lục II****Kế hoạch thu hồi đất bổ sung năm 2024 huyện Phú Bình**

(Kèm theo Quyết định số: 538/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
			Xã Tân Thành	Xã Tân Kim	Xã Bảo Lý	Xã Điềm Thụy	Xã Nhã Lộ	Xã Úc Kỳ
	<b>Tổng</b>	<b>40,89</b>	<b>30,00</b>	<b>1,39</b>	<b>1,60</b>	<b>3,22</b>	<b>1,50</b>	<b>3,18</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	-						
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	-						
1.3	Đất trồng cây lâu năm	-						
1.4	Đất rừng phòng hộ							
1.5	Đất rừng đặc dụng							
1.6	Đất rừng sản xuất	-						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	-						
1.8	Đất nông nghiệp khác	-						
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>40,89</b>	<b>30,00</b>	<b>1,39</b>	<b>1,60</b>	<b>3,22</b>	<b>1,50</b>	<b>3,18</b>
2.1	Đất ở nông thôn	-						
2.2	Đất ở đô thị	-						
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	-						
2.4	Đất an ninh							
2.5	Đất quốc phòng							
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	-						
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	-						

2.8	Đất có mục đích công cộng	40,89	30,00	1,39	1,60	3,22	1,50	3,18
2.9	Đất cơ sở tôn giáo							
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng	-						
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	-						
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	-						
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng	-						
2.14	Đất phi nông nghiệp khác							



2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản								
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối								
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản								
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối								
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng								
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng								
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	-							

**Phụ lục IV****Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024 huyện Phú Bình**

(Kèm theo Quyết định số: 538/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính
			Xã Tân Thành
	<b>Tổng</b>	<b>0,14</b>	<b>0,14</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>		
1.1	Đất trồng lúa		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác		
1.3	Đất trồng cây lâu năm		
1.4	Đất rừng phòng hộ		
1.5	Đất rừng đặc dụng		
1.6	Đất rừng sản xuất		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản		
1.8	Đất nông nghiệp khác		
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>0,14</b>	<b>0,14</b>
2.1	Đất ở nông thôn	-	
2.2	Đất ở đô thị	-	
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan		
2.4	Đất an ninh		
2.5	Đất quốc phòng		
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp		
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	-	
2.8	Đất có mục đích công cộng	0,14	0,14
2.9	Đất cơ sở tôn giáo		
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng		
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối		
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng		
2.14	Đất phi nông nghiệp khác		

**Phụ lục V**  
**Danh mục 03 dự án bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024**  
**huyện Phú Bình**

(Kèm theo Quyết định số: 538/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>Tổng</b>		<b>14,91</b>	<b>9,56</b>			<b>5,35</b>
1	Dự án chăn nuôi bò, gia cầm và thủy sản tại xã Tân Thành, huyện Phú Bình	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	4,02				4,02
2	Trạm biến áp 220KV Phú Bình 2	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	3,22	3,05			0,17
		Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	2,11	1,46			0,65
3	Đường dây 220KV Phú Bình 2	Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	1,07	1			0,07
		Xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình	1,50	1,38			0,12
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	1,60	1,42			0,18
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	1,39	1,25			0,14

## Phụ lục VI

### Điều chỉnh diện tích đối với 01 dự án trên địa bàn huyện Phú Bình

(Kèm theo Quyết định số: 538 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau:							
STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ các loại đất				STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ các loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 và Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 30/12/2023														
1	Khu liên hợp xử lý môi trường Phú Bình	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	30,00	2,12			27,88	1	Khu liên hợp xử lý môi trường Phú Bình	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	30,00	1,28			28,72

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 540 /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-BNN-KL ngày 12/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 983/TTr-SNN ngày 18/3/2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên (*Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA**  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 540/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án tạm sử dụng rừng	<p>- Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh: 12 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 20 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p><b>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>	Không	<p>Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp</p>	Một cửa

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 551/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 3 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý công sản, thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-BTC ngày 09/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 337/QĐ-BTC ngày 27/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên tại Tờ trình số 697/TTr-STC ngày 08/3/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý công sản, thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên (*Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN,**  
**THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 551/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

**A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
I	<b>Lĩnh vực thuế</b>					
1	Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp	- Trường hợp xe bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai; bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên: 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp	- <b>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> <i>Tại Đơn vị đăng kiểm</i>	Không quy định	- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008. - Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023. - Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính Phủ quy định mức	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		<p>xe ô tô đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên: 1 ngày làm việc.</p> <p>- Trường hợp xe ô tô bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên: 1 ngày làm việc.</p>			thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ	
2	Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên	<p>Tại Sở Giao thông vận tải</p> <p>- Trường hợp chưa đủ điều kiện: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.</p> <p>- Trường hợp đủ điều kiện: 03 ngày làm</p>	<p><b>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> + <i>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên;</i></p>	Không quy định	<p>- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.</p> <p>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008.</p> <p>- Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân</p>	Một cửa liên thông/ một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		việc kể từ ngày nhận đơn. Tại đơn vị đăng kiểm - Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp: 01 ngày làm việc. - Trường hợp đủ điều kiện: 01 ngày làm việc.	<b>Địa chỉ:</b> Số 17 đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.  + Tại đơn vị đăng kiểm.		sách trung ương năm 2023.  - Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính Phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ	
3	Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ	1 ngày làm việc	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Tại Đơn vị đăng kiểm	Không quy định	- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008. - Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023.  - Nghị định số	Một cửa liên thông/ một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính Phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ	
4	Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	02 ngày làm việc.	<p>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên;</p> <p><b>Địa chỉ:</b> Số 17 đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.</li> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008.</li> <li>- Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023.</li> <li>- Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính Phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ</li> </ul>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
5	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	<p>Tại Sở Giao thông vận tải</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xem xét: chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>Tại đơn vị đăng kiểm: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông.</p>	<p><b>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>+ <i>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên;</i></p> <p><b>Địa chỉ:</b> <i>Số 17 đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</i></p> <p>+ <i>Tại đơn vị đăng kiểm.</i></p>	Không quy định	<p>- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.</p> <p>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008.</p> <p>- Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023.</p> <p>- Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính Phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ</p>	Một cửa
II	<b>Lĩnh vực Quản lý công sản</b>					

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	44 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	<b>-Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> <i>Cơ quan nhận bàn giao hạ tầng kỹ thuật trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Cơ quan nhận bàn giao)</i>	Không quy định	Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10/01/2024 của Chính phủ về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Quyết định số 337/QĐ-BTC ngày 27/02/2023 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	Một cửa
2	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	67 ngày	<b>-Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> <i>Cơ quan, người có thẩm quyền theo phân cấp của HĐND tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc</i>	Không quy định	Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10/01/2024 của Chính phủ về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Quyết định số 337/QĐ-BTC ngày 27/02/2023 của Bộ Tài	Một cửa

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có)</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Cơ chế giải quyết TTHC</b>
			<i>ngoài ngân sách nhà nước sang tập đoàn Điện lực Việt Nam (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, người có thẩm quyền)</i>		chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 552/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 3 năm 2024

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 31/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ về lĩnh vực Chính quyền địa phương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 194/TTr-SNV ngày 15/3/2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên *(Có Phụ lục I kèm theo)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Chính quyền địa phương *(số thứ tự 02 mục IV, Phần A: Thủ tục hành chính cấp tỉnh)* được ban hành tại Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Thái Nguyên *(Có Phụ lục II kèm theo)*.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 552/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã	60 (sáu mươi) ngày làm việc	<b>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố	Không	- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. - Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH13 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một	Một cửa liên thông

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có)</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Cơ chế giải quyết TTTC</b>
			Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên		số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.	

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 552/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
1	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 553/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 3 năm 2024

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Công chức - Viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-BNV ngày 12/3/2024 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày*

07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 195/TTr-SNV ngày 15/3/2024.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Công chức - Viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên (*Có Phụ lục I kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Công chức - Viên chức (*số thứ tự 05, 06, 07 mục III, Phần A: Thủ tục hành chính cấp tỉnh*) được ban hành tại Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Thái Nguyên (*Có Phụ lục II kèm theo*).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÔNG CHỨC - VIÊN CHỨC**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 553/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Thủ tục thi tuyển viên chức	210 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<b>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển tại địa điểm theo thông báo tuyển dụng của cơ quan, đơn vị có thẩm	Phí dự tuyển dụng viên chức: - Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000đồng/thí sinh/lần dự thi. - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi. - Từ 500 thí sinh	- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			quyền tuyển dụng	trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.</li> <li>- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.</li> <li>- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.	
2	Thủ tục xét tuyển viên chức	180 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p><b>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển tại địa điểm theo thông báo tuyển dụng của cơ quan,</p>	<p>Phí dự tuyển dụng viên chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000đồng/thí sinh/lần dự thi.</li> <li>- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh/lần</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội</li> </ul>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
			đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng	dự thi. - Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi	chủ nghĩa Việt Nam. - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. - Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.	
3	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	Không quy định thời gian cụ thể	<b>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> Nộp tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 của Quốc hội</li> </ul>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.</li> <li>- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.</li> <li>- Thông tư số</li> </ul>	

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có)</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Cơ chế giải quyết TTHC</b>
					92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.	

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 553/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>ST T</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
1	Thủ tục thi tuyển viên chức
2	Thủ tục xét tuyển viên chức
3	Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

**CÔNG BÁO** tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo điện tử tỉnh Thái Nguyên được thiết kế trên khổ giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

---

## **VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN**

Địa chỉ: 16A, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: [portal@thainguyen.gov.vn](mailto:portal@thainguyen.gov.vn)

Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>